

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HS-ST

Ngày: 15-01-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bé;

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liêng Thị Kim Ngân**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông **Sơn Nhựt Nhân** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Trương Thị K, sinh năm 1981, tại huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T, sinh năm 1956 (Đã chết) mẹ Nguyễn Thị L, sinh năm 1958 (Đã chết); Chồng tên Hồ Văn H, sinh năm 1977 (Đã ly hôn); có 01 người con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 31/10/2019 đến ngày 03/11/2019 chuyển sang tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại:

1. Anh Ngô Hoàng N, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp E, xã F, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

2. Chị Kim Thị Đa N1, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp E, xã F, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Dương Thị X, sinh năm 1966; Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Chị Trương Thị T1, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

2. Bà Lâm Thị H1, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp E, xã F, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại cáo trạng số 02/CT-VKS-HS, ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Trương Thị K về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự với hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 08 giờ, ngày 29/10/2019, bị cáo cùng với con trai đi qua nhà vợ chồng anh Ngô Hoàng N và chị Kim Thị Đa N1 đều ngụ cùng ấp E, xã F, huyện T, tỉnh Trà Vinh với mục đích để nhờ chị N1 giúp bị cáo đi tìm việc làm, vì bị cáo đang thất nghiệp. Sau đó, chị N1 đã chở bị cáo đi tìm việc làm và bị cáo đã xin được việc nhưng chủ shop quần áo hẹn bị cáo vào ngày 30/10/2019 sẽ vào làm, nên chị N1 chở bị cáo về nhà để bị cáo ở nhờ. Trong quá trình chở bị cáo đi tìm việc làm thì bị cáo nghe trong túi áo khoác bên trái của chị N1 có tiếng kêu “còn kén” nên bị cáo dùng tay sờ vào túi áo khoác của chị N1 và phát hiện trong túi áo khoác của chị N1 có đựng vàng (không rõ đặc điểm, trọng lượng).

Khi đến nhà chị N1, bị cáo vào buồng ngủ của chị N1 để tìm móc quần áo phơi đồ cho con trai của bị cáo. Khi vào bên trong buồng thì bị cáo phát hiện áo khoác có đựng vàng của chị N1 nên bị cáo nảy sinh ý định sẽ lấy trộm vàng trong túi áo khoác, bị cáo quan sát thấy không còn ai ở trong nhà nên bị cáo lén lút dùng tay kéo xích túi áo khoác ra để lấy vàng nhưng dây xích bị vướng nên kéo không được. Lúc này bị cáo phát hiện chị N1 vào trong nhà nên bị cáo để áo khoác vào vị trí cũ và đi ra phía trước nhà ngồi chơi. Trong lúc ngồi phía trước nhà, bị cáo đã lượm một miếng kim loại dẹp màu trắng (để dùng để cắm nhang trừ muỗi) với mục đích là dùng để rạch túi áo khoác đựng vàng của chị N1 để lấy trộm vàng.

Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi ăn cơm xong bị cáo mượn đèn pin của chị N1 để qua nhà mẹ ruột của chị N1 tên Lâm Thị H1, cùng ngụ ấp E, xã F để quét dọn chỗ ngủ với con của bị cáo. Sau khi quét dọn xong, bị cáo đi qua nhà chị Đa N1 để trả đèn pin, lúc này bị cáo thấy chị N1 và anh N đang ngồi nói chuyện phía trước nhà, bị cáo lén lút đi vào phía bên trong buồng ngủ của

chị Đa N1, dùng miếng kim loại đẹp màu trắng rạch một lỗ ở mặt trong túi áo khoác đựng vàng của chị N1 và bị cáo lấy được một chiếc nhẫn vàng 24K, loại nhẫn trơn trọng lượng 03 chỉ, lúc này bị cáo phát hiện trong túi áo khoác vẫn còn vàng nhưng bị cáo không lấy. Tiếp đó, bị cáo lấy nhẫn vàng vừa trộm được của chị N1 đem cất giấu vào túi đồ cá nhân của bị cáo, còn đồ cấm nhang muỗi bị cáo đem ra phía sau nhà vứt bỏ gần khu vực chuồng bò của vợ chồng anh N, chị N1 và bị cáo đi qua ngủ nhờ tại nhà bà H1.

Đến sáng ngày 30/10/2019, bị cáo nhờ chị N1 chở bị cáo đi đến shop quần áo để làm nhưng chủ shop quần áo kêu bị cáo đi rửa chuồng chó nên bị cáo không làm mà quay trở về nhà chị N1 và tiếp tục ở đến khoảng 07 giờ ngày 31/10/2019, bị cáo nhờ anh N chở bị cáo và con trai đi ra đầu lộ nhựa để bị cáo thuê xe ôm đi qua nhà chị Trương Thị T1 ngụ ấp G, xã H nhưng bị cáo không về nhà chị T1 mà thuê xe ôm đi lên khu vực thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh ghé vào tiệm vàng MT thuộc khóm 2, thị trấn C, do bà Dương Thị X, ngụ khóm 1, thị trấn C làm chủ. Bị cáo cầm một chiếc nhẫn vàng vừa trộm được đưa cho bà X và nói “cho bán chiếc nhẫn”, bà X cầm chiếc nhẫn vàng trên cân, kiểm tra và cho bị cáo biết là chiếc nhẫn mà bị cáo bán là loại vàng 24kr, trọng lượng 03 chỉ nên bà X mua với giá 4.000.000 đồng/01 chỉ, tổng 03 chỉ vàng bị cáo bán được 12.000.000 đồng. Sau khi bà X đưa 12.000.000 đồng, bị cáo đã lấy số tiền trên mua lại một đôi bông tai vàng 18kr (kiểu tròn ten 03 dây), trọng lượng 05 phân 08 ly với giá 1.785.000 đồng. Tiếp theo bị cáo lấy một đôi bông tai của bị cáo loại vàng 18kr (kiểu khoen tròn) bán cho bà X với giá 600.000 đồng. Sau khi rời khỏi tiệm vàng, bị cáo tiếp tục sử dụng số tiền bán chiếc nhẫn trộm được để mua 02 bộ quần áo thể thao cho con trai với giá 150.000 đồng, mua trái cây hết 70.000 đồng. Đối với số tiền 600.000 đồng mà bị cáo bán được đôi bông tai của mình, bị cáo đã tiêu xài cá nhân và trả tiền thuê xe Honda ôm hết 595.000 đồng, số tiền bị cáo còn lại là 10.000.000 đồng.

Đối với chị Kim Thị Đa N1, vào sáng ngày 30/10/2019, chị N1 kiểm tra túi áo khoác có đựng vàng thì phát hiện bị mất một chiếc nhẫn vàng 24Kr, trọng lượng 03 chỉ và chị N1 có nghi ngờ bị cáo nên trình báo với cơ quan Công an.

Đối với chị Trương Thị T1, bà Lâm Thị H1 thời gian bị cáo thực hiện hành vi trộm tài sản của chị N1 thì chị T1, bà H1 hoàn toàn không biết. Quá trình thu mua nhẫn vàng của bị cáo thì bà Dương Thị X hoàn toàn không biết chiếc nhẫn vàng trên do bị cáo phạm tội mà có.

Vật chứng tài liệu thu giữ gồm có:

+ 01 (Một) đôi bông tai vàng 18kr, 07 tuổi, kiểu tròn ten 03 dây, trọng lượng 05 phân 08 ly;

+ Tiền Việt Nam: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Trong đó: 9.995.000 đồng là tiền bị cáo bán chiếc nhẫn trộm được mà có, còn 5.000 đồng là tài sản cá nhân của bị cáo.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, loại bàn phím số, đã qua sử dụng và một sim số thuê bao 0337.011.131 (tài khoản hết tiền).

+ 02 (Hai) bộ quần áo thun thể thao, trong đó: Một bộ có áo màu xanh-tím-đỏ, tay ngắn, cổ tròn, mặt trước áo có chữ RAKUTEN, quần ngắn màu xanh; một bộ có áo sọc màu đỏ-trắng-xám, tay ngắn, cổ tròn, mặt trước áo có chữ PLUS500, quần ngắn, màu xanh sọc đỏ.

+ 01 (Một) áo khoác sọc caro, màu xanh-đỏ, tay dài, gồm hai túi dưới có xích kéo khóa, trong đó túi áo bên trái bị rách ở mặt trong;

+ 01 (Một) miếng kim loại màu trắng (để cấm nhang diệt muỗi).

Tại kết luận định giá tài sản số: 18/KL.HĐ ngày 15/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Tiểu Cần kết luận: Trị giá 03 chỉ vàng 24kr, có hàm lượng vàng 99,99% theo giá thị trường tại thời điểm ngày 30/10/2019 có giá là 12.510.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Trương Thị K khai đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại anh Ngô Hoàng N và chị Kim Thị Đa N1 đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố, sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và bà Dương Thị X không có yêu cầu bồi thường nên đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

- Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho người bị hại gồm: 01 (Một) đôi bông tai vàng 18kr, 07 tuổi, kiểu tròn ten 03 dây, trọng lượng 05 phân 08 ly; Tiền Việt Nam: 9.995.000 đồng; 02 (Hai) bộ quần áo thun thể thao, trong đó: Một bộ có áo màu xanh-tím-đỏ, tay ngắn, cổ tròn, mặt trước áo có chữ RAKUTEN, quần ngắn màu xanh; một bộ có áo sọc màu đỏ-trắng-xám, tay ngắn, cổ tròn, mặt trước áo có chữ PLUS500, quần ngắn, màu xanh sọc đỏ; 01 (Một) áo khoác sọc caro, màu xanh-đỏ, tay dài, gồm hai túi dưới có xích kéo khóa, trong đó túi áo bên trái bị rách ở mặt trong, nên đề nghị không xem xét.

Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) miếng kim loại màu trắng (để cấm nhang diệt muỗi).

- Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần tiếp tục, quản lý 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, loại bàn phím số, đã qua sử dụng, một sim số thuê bao 0337.011.131 (tài khoản hết tiền) của bị cáo và số tiền 5.000 đồng tại biên lai thu số 0000046, ngày 24/12/2019 để đảm bảo thi hành án.

Về án phí hình sự đề nghị áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh Ngô Hoàng N và Chị Kim Thị Đa N1 cùng có ý kiến trình bày như sau: Ngày 29/10/2019, bị cáo cùng với con trai đến nhà anh, chị mục đích là nhờ chị Đa N1 chở đi tìm việc làm, sau đó bị cáo nghỉ ở lại nhà của anh, chị chờ sáng mai đi làm và đã lấy trộm 01 chiếc nhẫn trơn 03 chỉ vàng 24kr, nên anh, chị đã trình báo Công an, hiện nay anh, chị đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường, về trách nhiệm hình sự yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật.

Bà Dương Thị X có ý kiến trình bày như sau: Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 31/10/2019, bị cáo có đến tiệm vàng MT do bà làm chủ, bán 01 chiếc nhẫn trơn 03 chỉ vàng 24kr, giá 12.000.000 đồng, bà giao đủ tiền cho bị cáo, cùng ngày bà đã gom hết tất cả các loại vàng đã thu mua trong ngày đem đi đun nấu lại thành khối để sản xuất ra các kiểu trang sức khác, bà không có yêu cầu bồi thường.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo không có trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Dương Thị X và bà Lâm Thị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt những người này đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên theo quy định.

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Tiểu Cần, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, hiện trường vụ án và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định, bị cáo đã lợi dụng mối quan hệ quen biết và lòng tin của người bị hại giúp cho mình tìm kiếm công việc để có thêm thu nhập, đáng lẽ bị cáo phải biết quý trọng ơn nghĩa của người bị hại đã giúp đỡ mình, mà trái lại bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của người bị hại đem

bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Do đó, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần quyết định truy tố bị cáo Trương Thị K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Xét tuổi đời của bị cáo vẫn còn trẻ, bị cáo có đầy đủ sức khỏe nhưng không tìm kiếm công việc lao động có thu nhập hợp pháp mà chọn cách kiếm tiền bằng cách chiếm đoạt tài sản của người khác nên bị cáo lao vào con đường phạm tội. Khi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì bản chất lười lao động thích có tiền để phục vụ cho nhu cầu cá nhân của mình, nên bất chấp hậu quả, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nhằm đạt được mục đích của bị cáo. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù, tương xứng với tính chất hành vi và mức độ mà bị cáo gây ra để giáo dục bị cáo thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời ngăn chặn tình hình tội phạm phát sinh xảy ra trên địa bàn.

Bên cạnh đó, tình hình trộm cắp trên địa bàn huyện Tiểu Cần thời gian gần đây xảy ra rất nhiều, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần phải xử lý bị cáo một mức án tương xứng với hành vi và tính chất của vụ án, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[6] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét nhân thân của bị cáo từ khi bị khởi tố, điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, tài sản đã được thu hồi và trả cho người bị hại, bị cáo có cha ruột tên Trương Văn T là thương binh hạng 4/4, được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Đối với bà Dương Thị X, bà Lâm Thị H1 và chị Trương Thị T1 không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có, nên không có cơ sở để xử lý.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần đã ra quyết định trả lại tài sản cho người bị hại gồm: 01 (Một) đôi bông tai vàng 18kr, 07 tuổi, kiểu tròn ten 03 dây, trọng lượng 05 phân 08 ly; Tiền Việt Nam: 9.995.000 đồng; 02 (Hai) bộ quần áo thun thể thao, trong đó: Một bộ có áo màu xanh-tím-đỏ, tay ngắn, cổ tròn, mặt trước áo có chữ RAKUTEN, quần ngắn màu xanh; một bộ có áo sọc màu đỏ-trắng-xám, tay ngắn, cổ tròn, mặt trước áo có chữ PLUS500, quần ngắn, màu xanh sọc đỏ; 01 (Một) áo khoác sọc caro, màu xanh-đỏ, tay dài, gồm hai túi dưới có xích kéo khóa, trong đó túi áo bên trái bị rách ở mặt trong nên không xem xét.

- Xét thấy, 01 (Một) miếng kim loại màu trắng (để cắm nhang diệt muỗi) không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

- Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần tiếp tục, quản lý 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, loại bàn phím số, đã qua sử dụng, một sim số thuê bao 0337.011.131 (tài khoản hết tiền) của bị cáo và số tiền 5.000 đồng tại biên lai thu số 0000046, ngày 24/12/2019 để đảm bảo thi hành án.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và bà Dương Thị X không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà, là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Bị cáo Trương Thị K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trương Thị K 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 31/10/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và bà Dương Thị X không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần đã ra quyết định trả lại tài sản cho người bị hại xong, nên không đặt ra giải quyết.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) miếng kim loại màu trắng (để cấm nhang diệt muỗi).

- Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần tiếp tục, quản lý 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, loại bàn phím số, đã qua sử dụng, một sim số thuê bao 0337.011.131 (tài khoản hết tiền) của bị cáo và số tiền 5.000 đồng tại biên lai thu số 0000046, ngày 24/12/2019 để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trương Thị K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bà Dương Thị X vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Châm